

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VẬT TƯ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Tấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ ngày 10/5/2017)
Ông Nguyễn Kim Lục	Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 10/5/2017)
Ông Ngô Văn Hùng	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 10/5/2017)
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 10/5/2017)
Bà Nguyễn Thị Bích Phượng	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 10/5/2017)
Bà Trần Thị Mai Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/5/2017)
Bà Hà Mỹ Hạnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/5/2017)
Ông Nguyễn Việt Thu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/5/2017)
Ông Tạ Minh Hòa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Tấn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 22/06/2017)
Ông Tạ Minh Hòa	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21/06/2017)
	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 22/06/2017)
Ông Đinh Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21/06/2017)
Ông Hoàng Trọng Phú	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 22/06/2017)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Thơm	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 10/5/2017)
Bà Tạ Thị Giang	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 10/5/2017)
Ông Ngô Văn Thức	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 10/5/2017)
Ông Nguyễn Tuấn Dương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/5/2017)
Bà Phạm Thị Kiều Diễm	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Lưu Thị Ninh	Kế toán trưởng
-----------------	----------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, kể từ ngày 01/08/2017 Công ty áp dụng Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.



Hoàng Anh Tấn
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 27 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần.



A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Mai Việt Hùng', written over a horizontal line.

Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Mai Việt Hùng

Kiểm toán viên

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.076.828.764	25.710.331.540
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	920.808.255	4.973.203.707
Tiền	111		920.808.255	4.973.203.707
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.975.965.707	10.061.233.219
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.092.291.843	9.293.496.158
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	107.389.480
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.152.883.385	997.107.129
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(269.209.521)	(336.759.548)
Hàng tồn kho	140		11.180.054.802	10.675.894.614
Hàng tồn kho	141	8	11.180.054.802	10.675.894.614
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.865.107.003	7.879.366.222
Tài sản cố định	220		7.398.640.596	7.609.475.786
Tài sản cố định hữu hình	221	9	7.398.640.596	7.609.475.786
- Nguyên giá	222		24.917.313.595	24.114.287.793
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.518.672.999)	(16.504.812.007)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	170.767.528
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	-	170.767.528
Tài sản dài hạn khác	260		466.466.407	99.122.908
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	466.466.407	99.122.908
TỔNG TÀI SẢN	270		27.941.935.767	33.589.697.762

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.249.491.195	9.596.671.236
Nợ ngắn hạn	310		4.249.491.195	9.596.671.236
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	3.044.182.047	5.330.325.891
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	138.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	189.255.155	819.677.100
Phải trả người lao động	314		206.740.252	1.726.209.617
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		280.233	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	187.712.845
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	259.674.193	1.087.390.769
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		240.670.320	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		308.688.995	307.355.014
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.692.444.572	23.993.026.526
Vốn chủ sở hữu	410	14	23.692.444.572	23.993.026.526
Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.000.000.000	22.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.569.955.145	1.569.955.145
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		122.489.427	423.071.381
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		122.489.427	423.071.381
TỔNG NGUỒN VỐN	440		27.941.935.767	33.589.697.762

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc





Lưu Thị Ninh

Lưu Thị Ninh

Hoàng Anh Tấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	27.205.126.632	58.422.829.394
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.205.126.632	58.422.829.394
Giá vốn hàng bán	11	16	19.582.110.701	49.682.207.583
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.623.015.931	8.740.621.811
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	16.535.555	20.416.240
Chi phí tài chính	22	18	1.513.256	53.889.832
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.513.256	53.889.832
Chi phí bán hàng	25	19	659.291.004	1.349.739.362
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	7.180.315.810	6.797.081.600
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(201.568.584)	560.327.257
Thu nhập khác	31	20	354.730.848	555.479
Chi phí khác	32	21	34.102	21.928.000
Lợi nhuận khác	40		354.696.746	(21.372.521)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		153.128.162	538.954.736
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	30.638.735	115.883.355
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		122.489.427	423.071.381
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	56	192
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	24	56	192

Người lập biểu

Lưu Thị Ninh

Kế toán trưởng

Lưu Thị Ninh

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám Đốc



Hoàng Anh Tấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		153.128.162	538.954.736
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.063.840.838	989.378.733
Các khoản dự phòng	03		(67.550.027)	(14.307.491)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(16.535.555)	(20.416.240)
Chi phí lãi vay	06		1.513.256	53.889.832
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.134.396.674	1.547.499.570
Giảm các khoản phải thu	09		2.152.817.539	3.761.323.774
(Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		(769.660.188)	2.502.227.710
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.670.063.655)	(4.306.634.383)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(367.343.499)	32.378.383
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.233.023)	(53.889.832)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(141.832.375)	(864.791.284)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(421.737.400)	(453.235.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.084.655.927)	2.164.878.558
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(224.945.400)	(670.445.728)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		16.535.555	193.416.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(208.409.845)	2.522.970.512
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		240.670.320	3.778.478.290
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(7.614.610.820)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(632.896.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		240.670.320	(4.469.029.030)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.052.395.452)	218.820.040
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	4.973.203.707	4.754.383.667
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	920.808.255	4.973.203.707

Người lập biểu



Lưu Thị Ninh

Kế toán trưởng



Lưu Thị Ninh

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018



Tổng Giám Đốc

Hồng Anh Tấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước – Xí nghiệp Cơ điện Vật tư theo Quyết định số 97/QĐ-BCN ngày 23 tháng 09 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Cơ điện Vật tư thành Công ty Cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100417-030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 06 năm 2005 được đăng ký thay đổi lần 6 ngày 09 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 508, đường Hà Huy Tập, Thị Trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 22.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng*).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Kinh doanh, cung ứng, bảo quản vật tư thiết bị, xăng dầu và nguyên vật liệu sản xuất;
- Sửa chữa, cải tạo phục hồi và chế tạo máy biến áp lực;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình điện đến cấp điện áp 220KV;
- Cho thuê văn phòng, kho, xưởng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi thông tư 200) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Đối với hoạt động sản xuất dây cáp điện, giá trị sản phẩm dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.
- Đối với hoạt động sửa chữa máy biến áp, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dự án chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Các tài sản khác	10

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời không quá 2 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

3.7 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	18.146.063	75.696.982
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	902.662.192	4.897.506.725
	920.808.255	4.973.203.707

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dài hạn	466.466.407	99.122.908
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	466.466.407	99.122.908
	466.466.407	99.122.908

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VẬT TƯ

Số 508 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.092.291.843	(269.209.521)	9.293.496.158	(336.759.548)
- Công ty CPTM Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	4.023.844.000	-	-	-
- Công ty Điện lực Hải Dương	-	-	3.337.107.731	-
- Công ty Điện lực Hòa Bình	615.890.261	-	1.403.727.859	-
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	1.404.537.142	-	2.589.271.525	-
- Các đối tượng khác	1.048.020.440	(269.209.521)	1.963.389.043	(336.759.548)
	7.092.291.843	(269.209.521)	9.293.496.158	(336.759.548)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (*)			8.485.615.588	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (EVNNPC)			184.800.000	-
- Các Công ty Điện lực tỉnh			8.300.815.588	(110.633.628)

(*) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan phát sinh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 16/01/2017, kể từ ngày 16/01/2017 các Công ty này không còn là bên liên quan của Công ty do Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cho các cổ đông khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.152.883.385	-	997.107.129	-
- Tạm ứng cho nhân viên	535.320.000	-	206.983.131	-
- Ký cược, ký quỹ	79.914.747	-	-	-
- Phải thu thuế TNCN	63.625.483	-	134.353.122	-
- Phải thu khác	474.023.155	-	655.770.876	-
	1.152.883.385	-	997.107.129	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.760.732.473	-	4.704.278.359	-
Công cụ, dụng cụ	1.600.120	-	267.100.120	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.530.835.265	-	1.848.829.799	-
Thành phẩm	5.073.763.237	-	3.394.945.152	-
Hàng hóa	813.123.707	-	460.741.184	-
	11.180.054.802	-	10.675.894.614	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2017	14.524.359.778	6.308.980.934	2.216.319.118	511.516.329	553.111.634	24.114.287.793
- Mua trong năm	-	297.500.000	159.792.720	-	-	457.292.720
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	395.712.928	-	-	-	-	395.712.928
- Giảm khác	(49.979.846)	-	-	-	-	(49.979.846)
31/12/2017	14.870.092.860	6.606.480.934	2.376.111.838	511.516.329	553.111.634	24.917.313.595
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2017	(8.996.076.408)	(4.381.325.444)	(2.062.782.192)	(511.516.329)	(553.111.634)	(16.504.812.007)
- Khấu hao trong năm	(443.930.142)	(530.215.183)	(89.695.513)	-	-	(1.063.840.838)
- Thanh lý, nhượng bán	49.979.846	-	-	-	-	49.979.846
31/12/2017	(9.390.026.704)	(4.911.540.627)	(2.152.477.705)	(511.516.329)	(553.111.634)	(17.518.672.999)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2017	5.528.283.370	1.927.655.490	153.536.926	-	-	7.609.475.786
31/12/2017	5.480.066.156	1.694.940.307	223.634.133	-	-	7.398.640.596

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là: 4.501.555.207 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	170.767.528	170.767.528
- Cải tạo đường nội bộ trong công ty	-	-	170.767.528	170.767.528
	-	-	170.767.528	170.767.528

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	3.044.182.047	3.044.182.047	5.330.325.891	5.330.325.891
- Công ty TNHH Thoa Anh Ngọc	-	-	955.247.832	955.247.832
- Công ty Điện lực Hải Dương	-	-	959.562.869	959.562.869
- Công ty Điện lực Bắc Giang	-	-	676.275.600	676.275.600
- Công ty Điện lực Hà Tĩnh	-	-	730.287.944	730.287.944
- Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thăng	1.862.198.100	1.862.198.100	-	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện Đông Anh	304.287.500	304.287.500	-	-
- Các đối tượng khác	877.696.447	877.696.447	2.008.951.646	2.008.951.646
	3.044.182.047	3.044.182.047	5.330.325.891	5.330.325.891
Phải trả người bán là các bên liên quan			3.090.390.253	3.090.390.253
- Các Công ty Điện lực tỉnh (*)			3.090.390.253	3.090.390.253

(*) Phải trả người bán là các bên liên quan phát sinh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 16/01/2017, kể từ ngày 16/01/2017, các Công ty này không còn là bên liên quan của Công ty do Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cho các cổ đông khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	38.796.834	2.701.741.399	2.560.604.204	179.934.029
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	115.883.355	35.270.146	141.832.375	9.321.126
- Thuế thu nhập cá nhân	10.568.079	4.798.293	15.366.372	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	611.750.400	3.564.668.052	4.176.418.452	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	42.678.432	10.503.999	53.182.431	-
	819.677.100	6.316.981.889	6.947.403.834	189.255.155

(*) Trong đó, thuế GTGT khấu trừ giữa đầu vào và đầu ra 1.911.107.724 đồng.

(**) Trong đó, thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu năm 2016 là 4.631.411 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	259.674.193	1.087.390.769
- Kinh phí công đoàn	22.750.232	17.994.361
- Bảo hiểm xã hội	-	24.650.029
- Bảo hiểm y tế	-	5.702.033
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	4.255.836
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	78.440.239	78.440.239
+ Phải trả cổ đông cổ tức năm 2010-2012	11.931.879	11.931.879
+ Phải trả cổ đông cổ tức năm 2014	27.788.260	27.788.260
+ Phải trả cổ đông cổ tức năm 2015	38.720.100	38.720.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	158.483.722	956.348.271
+ Tiền đặt cọc thuê kho	126.840.000	120.840.000
+ Phải trả Phân xưởng sửa chữa máy biến áp	4.733.722	730.335.408
+ Các khoản phải trả khác	26.910.000	105.172.863
	259.674.193	1.087.390.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	22.000.000.000	1.569.955.145	866.482.566	24.436.437.711
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	423.071.381	423.071.381
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(866.482.566)	(866.482.566)
31/12/2016	22.000.000.000	1.569.955.145	423.071.381	23.993.026.526
01/01/2017	22.000.000.000	1.569.955.145	423.071.381	23.993.026.526
- Lãi trong năm	-	-	122.489.427	122.489.427
- Trích lập các quỹ	-	-	(423.071.381)	(423.071.381)
31/12/2017	22.000.000.000	1.569.955.145	122.489.427	23.692.444.572

14.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	-	11.220.400.000
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	5.494.990.000	-
- Ông Trịnh Xuân Đại	5.499.990.000	-
- Ông Ngô Văn Hùng	2.290.000.000	2.290.000.000
- Cổ đông khác	8.715.020.000	8.489.600.000
	22.000.000.000	22.000.000.000

14.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	22.000.000.000	22.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	423.071.381	866.482.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

14.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000	2.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

14.5 CÁC QUỸ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.569.955.145	1.569.955.145

15. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	17.418.603.596	42.394.345.678
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.393.782.714	6.417.175.811
- Doanh thu sửa chữa Máy biến áp và thí nghiệm điện	2.392.740.322	9.611.307.905
	27.205.126.632	58.422.829.394
Doanh thu với các bên liên quan (*)		38.335.139.124
- Tổng công ty Điện lực Miền Bắc		672.000.000
- Ban Quản lý dự án phát triển điện lực		117.000.000
- Ban Quản lý dự án phát triển lưới điện		48.000.000
- Các công ty Điện lực tỉnh		37.498.139.124

(*) Doanh thu với các bên liên quan phát sinh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 16/01/2017, kể từ ngày 16/01/2017 các Công ty này không còn là bên liên quan của Công ty do Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cho các cổ đông khác.

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	15.859.797.773	39.136.868.852
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.151.097.764	2.430.314.743
Giá vốn sửa chữa Máy biến áp và thí nghiệm điện	1.571.215.164	8.115.023.988
	19.582.110.701	49.682.207.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Lãi tiền gửi	16.535.555	20.416.240
	16.535.555	20.416.240

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí lãi vay	1.513.256	53.889.832
	1.513.256	53.889.832

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	7.180.315.810	6.797.081.600
- Chi phí nhân viên quản lý	2.073.937.983	1.353.291.771
- Chi phí vật liệu quản lý	211.069.625	140.862.833
- Thuế, phí và lệ phí	3.567.699.463	2.224.345.829
- Chi phí khấu hao TSCĐ	158.268.219	-
- Hoàn nhập dự phòng	(67.550.027)	(14.307.491)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	710.955.932	510.869.282
- Chi phí bằng tiền khác	525.934.615	2.582.019.376
Các khoản chi phí bán hàng	659.291.004	1.349.739.362
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	238.721	1.307.700
- Chi phí nhân công	189.036.406	235.552.413
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.579.713	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.166.491	660.179.376
- Chi phí bằng tiền khác	8.269.673	452.699.873

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Công nợ không phải trả	354.729.874	-
- Các khoản khác	974	555.479
	354.730.848	555.479

21. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Các khoản chi phí khác	34.102	21.928.000
	34.102	21.928.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	153.128.162	538.954.736
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
- Các khoản chi phí phạt	65.513	
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT	-	18.534.040
- Chi phí không hợp lệ	-	21.928.000
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế		-
Chuyển lỗ các năm trước		-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	153.193.675	579.416.776
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	30.638.735	115.883.355
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.638.735	115.883.355

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	122.489.427	423.071.381
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	56	192

24. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	6.774.652.379	20.458.673.815
- Chi phí nhân công	4.386.848.464	7.929.975.561
- Khấu hao tài sản cố định	1.071.483.338	989.378.733
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.679.951.512	3.957.744.335
- Chi phí bằng tiền khác	4.330.929.055	3.054.180.891
	19.243.864.748	36.389.953.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	920.808.255	4.973.203.707
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.172.206.590	9.293.496.158
	8.093.014.845	14.266.699.865
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	240.670.320	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.281.106.008	6.399.722.299
Chi phí phải trả	280.233	-
	3.522.056.561	6.399.722.299
Trạng thái ròng	4.570.958.284	7.866.977.566

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Vay và nợ ngắn hạn	240.670.320	-	240.670.320
Phải trả người bán và phải trả khác	3.281.106.008	-	3.281.106.008
Chi phí phải trả	280.233	-	280.233
Công nợ tài chính khác	-	-	-
	3.522.056.561	-	3.522.056.561
01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.399.722.299	-	6.399.722.299
	6.399.722.299	-	6.399.722.299

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	920.808.255	-	920.808.255
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.172.206.590	-	7.172.206.590
	8.093.014.845	-	8.093.014.845
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.973.203.707	-	4.973.203.707
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.293.496.158	-	9.293.496.158
	14.266.699.865	-	14.266.699.865

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ với các bên liên quan:

STT Bên liên quan	Mối quan hệ
1 Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (EVNNPC)	Công ty mẹ
2 Ban Quản lý dự án phát triển điện lực	Đơn vị hạch toán phụ thuộc EVNNPC
3 Ban Quản lý dự án phát triển lưới điện	Đơn vị hạch toán phụ thuộc EVNNPC
4 Các công ty Điện lực tỉnh	Đơn vị hạch toán phụ thuộc EVNNPC

Thu nhập HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	725.412.027	1.345.422.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Lưu Thị Ninh

Kế toán trưởng



Lưu Thị Ninh

Tổng Giám Đốc



Hoàng Anh Tấn